

Bản án số: 65/2021/HNGĐ-ST

Ngày 15/9/2021

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Việt Hưng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phan Văn Tiến.

2. Bà Vũ Thị Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 121/2021/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2021 về việc “Ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2021/QĐST-HNGĐ ngày 03/9/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Minh T1, sinh năm 1994; Nơi ĐKKHKT: Thôn N, xã X, huyện T, tỉnh B; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã X, huyện T, tỉnh B.

- Bị đơn: Anh Vũ Đình T2, sinh năm 1995; Nơi cư trú: Thôn N, xã X, huyện T, tỉnh B (*Chị T1 có mặt, anh T2 vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng tài liệu chứng cứ đã xuất trình và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Vũ Thị T1 trình bày:

Chị và anh Vũ Đình T2 tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 24/6/2016 tại UBND xã X, huyện T, tỉnh B. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại thôn Thôn N, xã X, huyện T, tỉnh B. Thời gian đầu vợ chồng chung sống bình thường, đến tháng 6/2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T2 không cùng chị chăm lo cuộc sống hạnh phúc gia đình, không chia sẻ quá trình nuôi dạy con với chị. Chị đã nhiều lần cho anh T2 cơ hội nhưng anh không thay

đổi. Chị đã về nhà bố mẹ đẻ tại thôn Đ, xã X, huyện T, tỉnh B từ tháng 9/2020 đến nay. Từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Vũ Đình T2.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Vũ Đình Minh T3, sinh ngày 29/01/2017, Vũ Tùng L, sinh ngày 18/6/2020. Ly hôn, chị nhận trực tiếp nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh T2 cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại, chị không mang thai.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai ngày 04/6/2021, anh Vũ Đình T2 trình bày: Anh và chị Bùi Minh T2 tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 24/6/2016 tại UBND xã X, huyện Ty, tỉnh B. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại Thôn N, xã X, huyện T, tỉnh B. Vợ chồng chung sống đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh chơi bời và không quan tâm đến vợ con. Từ tháng 8/2020 đến nay vợ chồng sống ly thân. Nay chị T1 xin ly hôn, anh không đồng ý ly hôn vì anh đã thay đổi và nhận thức được việc làm của mình và muốn vợ chồng quay về với nhau.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Vũ Đình Minh T2, sinh ngày 29/01/2017, Vũ Tùng L, sinh ngày 18/6/2020. Nếu ly hôn, anh đề nghị giao cả hai con chung cho chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị T1 không mang thai.

Về tài sản chung: Vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Tại biên bản xác minh ngày 21/7/2021, Ủy ban nhân dân xã X cung cấp:* Anh Vũ Đình T1 và chị Bùi Minh T2 tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã X ngày 24/9/2016. Trong quá trình chung sống, anh chị có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T2 không tu chí làm ăn dẫn đến vợ chồng sống ly thân. Về con chung: Chị T1 và anh T2 có 02 con chung là Vũ Đình Minh T3, sinh ngày 29/01/2017, Vũ Tùng L, sinh ngày 18/6/2020. Về tài sản chung giữa hai anh chị địa phương không nắm được.

* *Tại biên bản xác minh ngày 21/7/2021, ông Vũ Đình T4 – bố đẻ của anh Vũ Đình Tân cung cấp:*

Anh Vũ Đình T2 và chị Bùi Minh T1 tự nguyện tìm hiểu và kết hôn năm 2016. Trong quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn do anh T2 không tu chí làm ăn. Tuy nhiên, sau đó anh T2 đã hiểu ra lỗi của mình và xin chị Thúy

cho anh T2 cơ hội nhưng chị T1 không đồng ý. Nay chị T1 xin ly hôn anh T2 rất mong đoàn tụ nhưng trường hợp chị T1 cương quyết xin ly hôn thì anh T2 cũng phải chấp nhận. Về con chung: Chị T1 và anh T2 có 02 con chung là Vũ Đình Minh T3, sinh ngày 29/01/2017, Vũ Tùng L, sinh ngày 18/6/2020, hiện đang ở cùng chị T1. Về tài sản chung và nợ chung giữa anh T2 và chị T1 đều không có. Ông đã nhận được giấy triệu tập của Tòa án và đã giao lại cho anh T2 tuy nhiên do công việc bận mải nên anh T2 không đến Tòa án làm việc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của các đương sự đều tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 238, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án: Xử cho chị Bùi Minh T1 ly hôn anh Vũ Đình T2; Về quan hệ con chung: giao con Vũ Đình Minh T3, sinh ngày 29/01/2017, Vũ Tùng Lâm, sinh ngày 18/6/2020 cho chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu anh Tân cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: Chị Bùi Minh T1 và anh Vũ Đình T2 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết. Chị Bùi Minh T2 phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã X, huyện T, tỉnh B, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn không thay đổi nơi cư trú vì vậy đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy theo quy định tại Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án anh Vũ Đình T2 chỉ đến Tòa án làm việc một lần, sau đó Tòa án tiếp tục triệu tập anh T2 đến để hòa giải vợ chồng nhưng anh T2 không đến Tòa án làm việc theo thông báo và giấy triệu tập của Tòa án. Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh T2 vắng mặt tại

phiên tòa lần thứ hai không có lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng anh T2.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, quan hệ hôn nhân của chị Bùi Minh T1 và anh Vũ Đình T2 là hôn nhân hợp pháp. Cả hai đều xác định vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh T2 không quan tâm đến gia đình. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 8/2020 đến nay. Mặc dù anh T2 có nguyện vọng đoàn tụ tuy nhiên anh không có biện pháp hàn gắn tình cảm với chị Thúy. Xét thấy, tình trạng hôn nhân của chị T1 và anh T2 đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị T1 được ly hôn anh T2 là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về quan hệ con chung: Chị Bùi Minh T1 và anh Vũ Đình T2 có 02 con chung là Vũ Đình Minh T3, sinh ngày 29/01/2017, Vũ Tùng L, sinh ngày 18/6/2020. Chị T1 và anh T2 đều có nguyện vọng giao con chung cho chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng, chị T1 không yêu cầu anh T2 cấp dưỡng nuôi con vì vậy cần giao con chung cho chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[5] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Chị Bùi Minh T1 và anh Vũ Đình T2 đều xác định vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết về tài sản, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết về quan hệ tài sản.

[6] Về án phí: Chị Bùi Minh T1 phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị Bùi Minh T1 và anh Vũ Đình T2 có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tại điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 238, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Minh T1 ly hôn anh Vũ Đình T2.

2. Về con chung: Giao cho chị Bùi Minh Thúy trực tiếp nuôi con Vũ Đình Minh T3, sinh ngày 29/01/2017, Vũ Tùng Lâm, sinh ngày 18/6/2020. Chị Bùi Minh T1 không yêu cầu anh Vũ Đình T2 đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Vũ Đình T2 có quyền thăm nom, chăm sóc con chung. Chị Bùi Minh T1 và anh Vũ Đình T2 có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung khi cần thiết.

3. *Về tài sản chung*: Không đặt ra giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Bùi Minh T1 phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị T1 đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003926 ngày 25/5/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thái Thụy sang thi hành án phí.

5. *Về quyền kháng cáo*: Chị Bùi Minh T1 có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Vũ Đình T2 vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết theo đúng quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
- Chi cục THADS huyện Thái Thụy;
- UBND xã X (Nơi ĐKKH);
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Việt Hưng

